

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 64/2024/DS-ST

Ngày 25-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ánh Tuyết.

2. Ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Phan Thị Thy Thy – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-DS 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Duy Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1978. Địa chỉ: B C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền ngày 27/11/2023). Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1983 và chị Ngô Thị Mai T, sinh năm 1990. Địa chỉ: 1 H, Tổ A, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Duy Đ do người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Xuân H trình bày:

Anh Lê Duy Đ và anh Nguyễn Hữu N có quen biết với nhau do làm chung tại tổ công tác tại Đội Cảnh sát 113 Công an tỉnh G, ông N làm tổ trưởng. Do vậy, anh Đ và vợ chồng anh N và chị Ngô Thị M T quen biết và có sự tin tưởng lẫn nhau nên từ ngày 27/4/2023 đến ngày 05/5/2023, đã nhiều lần cho anh N và chị T mượn tiền với số tiền 3.300.000.000 đồng. Các lần vay tiền này cụ thể như sau:

- Ngày 27/4/2023, chị T nhắn tin vay số tiền là 500.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Anh Đ đã chuyển khoản đầy đủ, đến số tài khoản: 62110000746391, Ngân hàng TMCP Đ1 (B), chủ tài khoản: Ngô Thị Mai T.

- Ngày 05/5/2023, chị T tiếp tục nhắn tin cho anh Đ 03 lần với mỗi lần mượn một số tiền khác nhau. Vì lần mượn trước đó, chị T đã trễ hạn trả nợ nhưng

chị T nói rằng đang kẹt gấp để làm ăn và hứa mượn lần này rồi sẽ hoàn trả tất cả đầy đủ, đúng hạn. Anh Đ tin tưởng vợ chồng chị T, ông N là người đáng hoàng, cũng là chỗ thân tín với nhau nên anh Đ đã chuyển khoản 08 lần, tổng cộng 2.800.000.000 đồng; cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Chuyển khoản 400.000.000 đồng đến số tài khoản: 62110000746391, chủ tài khoản: Ngô Thị Mai T.

+ Lần thứ hai: Chuyển khoản 400.000.000 đồng đến số tài khoản: 62110000746391, chủ tài khoản: Ngô Thị Mai T.

+ Lần thứ ba: Chuyển khoản 400.000.000 đồng đến số tài khoản: 62110000746391, chủ tài khoản: Ngô Thị Mai T.

+ Lần thứ tư: Chuyển khoản 300.000.000 đồng đến số tài khoản: 62110000746391, chủ tài khoản: Ngô Thị Mai T.

+ Lần thứ năm: Chuyển khoản 500.000.000 đồng đến số tài khoản: 09461277779, Ngân hàng V (V1), chủ tài khoản: Ngô Thị Mai T.

+ Lần thứ sáu: Chuyển khoản 500.000.000 đồng đến số tài khoản: 09461277779, Ngân hàng V (V1), chủ tài khoản: Ngô Thị Mai T.

+ Lần thứ bảy: Chuyển khoản 100.000.000 đồng đến số tài khoản: 09461277779, Ngân hàng V (V1), chủ tài khoản: Ngô Thị Mai T.

+ Lần thứ tám: Chuyển khoản 200.000.000 đồng đến số tài khoản: 09461277779, Ngân hàng V (V1), chủ tài khoản: Ngô Thị Mai T.

Anh Đ đã nhiều lần yêu cầu anh N và chị T hoàn trả số tiền nêu trên nhưng không được. Vụ việc này, anh Đ đã tố cáo tới Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G. Tại Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số: 1141/TB-CSĐT-Đ3 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã thông báo vụ việc không có dấu hiệu tội phạm.

Vì vậy, anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc chị Ngô Thị Mai T và anh Nguyễn Hữu N phải trả cho anh Lê Duy Đ số tiền gốc 3.300.000.000 đồng.

- Buộc chị Ngô Thị Mai T và anh Nguyễn Hữu N phải trả cho anh Lê Duy Đ đồng t lãi của số tiền gốc 3.300.000.000 đồng, với lãi suất 20%/năm (1,67%/tháng) tính từ ngày 06/5/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tạm tính từ ngày 06/5/2023 đến ngày 06/12/2023 là 07 tháng, với tổng tiền lãi là: 385.770.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi; không yêu cầu chị Ngô Thị Mai T và anh Nguyễn Hữu N phải trả cho anh Lê Duy Đ đồng t lãi của số tiền gốc 3.300.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 20 tháng 3 năm 2023, bị đơn là anh Nguyễn Hữu N trình bày:

Anh N thừa nhận cùng vợ là chị Ngô Thị Mai T có vay của anh Đ số tiền 3.300.000.000 đồng nhưng mất khả năng trả nợ số tiền này. Việc vay tiền của anh Đ dùng vào việc đáo hạn ngân hàng và mua bất động sản. Vợ chồng anh N và chị T trả lãi hàng tuần cho anh Đ số tiền vay 3.300.000.000 đồng là 57.750.000 đồng; thời gian đóng lãi số tiền này là gần một năm. Đến tháng 4/2023, vợ chồng anh N

và chị T làm ăn thu lỗ nên không đóng tiền lãi cho anh Đ được nữa. Hiện anh N sẽ bán tài sản hiện có của vợ chồng để trả nợ cho anh Đ.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, bị đơn là chị Ngô Thị Mai T trình bày:

Chị T bắt đầu vay tiền của anh Đ từ tháng 9/2022, thỏa thuận lãi suất miệng là 2.5000đồng/1.000.000 đồng/ngày, mục đích vay tiền để đầu tư kinh doanh, mua bán bất động sản và cho vay lại. Từ tháng 9/2022 đến ngày 05/5/2023, chị T trả tiền vay gốc và tiền lãi cho anh Đ đúng theo thỏa thuận.

Đối với khoản vay 500.000.000 đồng ngày 27/4/2023, chị T chưa trả gốc và lãi của khoản vay này.

Ngày 05/5/2023, sau khi đã trả gốc và lãi của các khoản vay trước đó, anh Đ tin tưởng và chị T vay số tiền 2.800.000.000 đồng

Vì vậy, chị T còn nợ anh Đ tổng số tiền là 3.300.000.000 đồng.

Ngày 28/5/2024, bị đơn là anh Nguyễn Hữu N và chị Ngô Thị Mai T có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến gì khác để trình bày.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh Nguyễn Hữu N và chị Ngô Thị Mai T không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập; không không nộp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến trình bày của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về nội dung vụ án:

Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Lê Duy Đồng khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hữu N và chị Ngô Thị Mai T phải trả lại tiền vay. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn là cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản

3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Việc rút phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi này là tự nguyện. Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn là anh Đ và các lời khai của bị đơn là anh N và chị T về việc thừa nhận việc anh N và chị T vay của anh Đ số tiền 500.000.000 đồng ngày 27/4/2023 và vay số tiền 2.800.000.000 đồng ngày 05/5/2023, tổng số tiền vay là 3.300.000.000 đồng và chưa trả số tiền vay này cho anh Đ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Việc vay tiền nêu trên các bên không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng.

Tại phiên tòa, anh Đ chỉ yêu cầu anh N và chị T trả lại tiền gốc, không yêu cầu trả tiền lãi của khoản vay.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; . . .”*

Tại các lời khai của anh N và chị T có tài hồ sơ đều thừa nhận không có khả năng trả tiền vay cho anh Đ. Do đó, anh N và chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận của các bên khi vay tiền.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, anh N và chị T phải trả cho anh Đ số tiền vay tổng cộng là 3.300.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất:

Hội đồng xét xử đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] Về án phí:

Anh N và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của anh Đ được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Duy Đ.

Buộc anh Nguyễn Hữu N và chị Ngô Thị Mai T phải trả cho anh Lê Duy Đ số tiền nợ gốc là 3.300.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc chị Ngô Thị Mai T và anh Nguyễn Hữu N phải trả cho anh Lê Duy Đ lãi của số tiền gốc 3.300.000.000 đồng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Hữu N và chị Ngô Thị Mai T phải chịu 98.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Lê Duy Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 52.857.700 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001669 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Đình Nguyên